TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2019/HSST
Ngày: 19/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà: Lê Thị Lan
+ Ông: Trần Bá Hải
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa***: ông Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 50/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2019; Đối với bị cáo:

Họ và tên: NGUYỄN VĂN L, tên gọi khác: Trọc - sinh năm: 1990; tại: tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; HKTT: Ấp 6, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1937 và bà Phan Thị T, sinh năm: 1950; bị cáo có vợ tên: Lưu Thị Thu H, sinh năm: 1988; bị cáo chưa có con; bị cáo có 03 anh em; Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 17/11/2010, Bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 314/2011/HSST; Ngày 24/8/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại Bản án số 269/2012/HSST, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 314/2011/HSST ngày 17/11/2011 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 08(tám) năm 06(sáu) tháng tù, ngày 26/12/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2019 đến nay - *Có mặt.*

- ***Bị hại:*** Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1999; địa chỉ: Ấp 5, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước – Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 10/6/2019 Nguyễn Văn L đi bộ đến khu vực ấp 5, xã TH, huyện B thì phát hiện bên hông phía sau nhà chị Nguyễn Thanh M có để xe mô

tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 93G1-207.84 không có người trông coi. L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe nên đi vào phía sau nhà lấy 01 tô vít đi đến chỗ để xe mô tô dùng tô vít phá ổ khóa xe, rồi nổ máy điều khiển xe chạy đi. Lúc này, chị M phát hiện tri hô, đồng thời báo tin cho Công an, Đồn biên phòng B và chồng là Nguyễn Văn H biết xe bị mất. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô, Nguyễn Văn L điều khiển xe đến khu vực ấp Bù Tam xã A thì bị tổ công tác Đồn biên phòng B kiểm tra, bắt giữ.

Tại biên kết luận định giá tài sản số 47/BKL-ĐGTS ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Bình Phước kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius màu xám đen, biển kiểm soát số 93G1-207.84 tại thời điểm ngày 10/6/2019 là 17.550.000đồng.

Cáo trạng số: 47/CTr – VKS ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản" và đưa ra đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố và kết luận.

Bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa mẹ bị cáo là bà Phan Thị Tô cung cấp cho Hội đồng xét xử một Huy chương kháng chiến hạng nhất và một Giấy chứng nhận thương binh hạng 4/4.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do vậy, về hành vi, quyết định của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Về nội dung: Vào khoảng 15 giờ ngày 10/6/2019 Nguyễn Văn L đi bộ đến khu vực ấp 5, xã TH, huyện B thì phát hiện bên hông phía sau nhà chị Nguyễn Thanh M có để xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 93G1-207.84

không có người trông coi. L đi vào phía sau nhà lấy 01 tô vít đi đến chỗ để xe mô tô dùng tô vít phá ổ khóa xe, rồi nổ máy và điều khiển xe chạy đi. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận, xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 93G1-207.84 mà L chiếm đoạt có giá trị là 17.550.000đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự; Bị cáo đã có 02 tiền án: Ngày 17/11/2010, Bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" tại Bản án số 314/2011/HSST; Ngày 24/8/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại Bản án số 269/2012/HSST, tổng hợp với hình phạt của Bản án số 314/2011/HSST ngày 17/11/2011 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 08(tám) năm 06(sáu) tháng tù, ngày 26/12/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm phạm nguy hiểm", Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, bị cáo có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản L tài sản của chủ sở hữu, lén lút đi vào chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Xét tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là nghiêm trọng, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính trong gia đình(đang phải nuôi mẹ già là thương binh), gia đình có công với cánh mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét quan điểm và đường lối xử L của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo là có phần cao nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ hơn so với mức đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát. Các vấn đề khác theo đề xuất của vị đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở cần được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 93G1-207.84 và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng:

Một xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám đen, biển kiểm soát 93G1-207.84 là tại sản của bị hại, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại bị hại là đúng pháp luật.

Một tô vít, cán bằng nhựa màu vàng, mũi bằng sắt dài khoảng 20cm là công cụ phạm tội của bị cáo nhưng bị cáo đã làm mất không thu hồi được nên không xem xét.

Một điện thoại di động Nokia màu đen, một điện thoại di động galaxy J5 màu trắng, số tiền 1.456.000đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Trọc) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn L (Trọc) 02(hai) năm 04(bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (Ngày 10/6/2019). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: Áp dụng các điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo: Một điện thoại di động Nokia màu đen, một điện thoại di động J5 màu trắng, số tiền 1.456.000đồng (một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0007596 ngày 06/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- THADS huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Lượng